

Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1 TP HCM

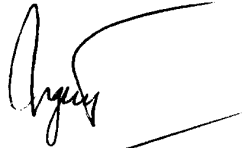
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 3 NĂM 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III Năm 2010

	Chỉ tiêu	Quý 3		Tích lũy đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	498.160.215.645	470.383.709.559	1.458.203.543.957	1.325.085.777.278
2	Các khoản giảm trừ				
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	498.160.215.645	470.383.709.559	1.458.203.543.957	1.325.085.777.278
4	Giá vốn hàng bán	407.851.771.422	387.871.495.599	1.240.231.614.574	1.092.227.630.556
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	90.308.444.223	82.512.213.960	217.971.929.383	232.858.146.722
6	Doanh thu hoạt động tài chính	59.323.121.848	56.367.596.339	150.763.830.315	111.257.099.964
7	Chi phí tài chính	77.218.354.120	17.091.236.887	162.256.326.779	9.425.405.550
	Trong đó :				
	- Chi phí lãi vay	45.669.913.031	17.487.727.319	87.031.765.184	50.873.045.913
8	Chi phí bán hàng	3.675.302.660	1.549.321.986	10.030.901.523	4.633.151.719
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	31.800.331.795	19.173.421.316	95.243.220.162	73.365.928.122
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	36.937.577.496	101.065.830.110	101.205.311.234	256.690.761.295
11	Thu nhập khác	1.945.938.173	1.330.647.117	47.293.003.354	9.328.093.364
12	Chi phí khác	1.786.448.142	1.479.470.526	10.189.053.693	6.790.257.199
13	Lợi nhuận khác	159.490.031	(148.823.409)	37.103.949.661	2.537.836.165
14	Lợi nhuận trước thuế	37.097.067.527	100.917.006.701	138.309.260.895	259.228.597.460
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.664.871.490	2.037.324.312	22.613.824.138	13.685.841.078
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(1.875.265.175)	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.432.196.037	98.879.682.389	117.570.701.933	245.542.756.382
17.1	Lợi ích cổ đông thiểu số	197.648.796	(1.319.043.363)	3.538.442.290	(455.274.937)
17.2	Lợi nhuận sau thuế của công ty Gemadept	30.234.547.241	100.198.725.752	114.032.259.643	245.998.031.319
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	547	2.109	2.290	5.179


Trương Như Nguyễn
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

SĐKKD : Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Đỗ Văn Minh
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

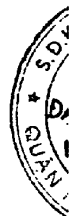
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.619.982.256.755	1.054.083.913.383
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.538.375.598.755	224.033.300.556
1. Tiền	111		444.408.550.755	217.117.165.556
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.093.967.048.000	6.916.135.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		319.489.875.656	221.012.750.502
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	367.604.432.162	259.066.796.505
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(48.114.556.506)	(38.054.046.003)
III. Các khoản phải thu	130		512.412.592.892	422.537.234.661
1. Phải thu của khách hàng	131	V.4	253.295.565.024	248.354.055.765
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	173.366.130.183	35.025.232.547
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.6	86.579.957.007	139.987.005.671
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.7	(829.059.322)	(829.059.322)
IV. Hàng tồn kho	140		49.203.062.519	55.433.423.885
1. Hàng tồn kho	141	V.8	49.203.062.519	55.433.423.885
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		200.501.126.933	131.067.203.779
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	27.857.436.422	8.097.730.366
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.948.013.282	14.087.340.957
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	16.050.607.474	14.071.758.302
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	144.645.069.755	94.810.374.154



Quý 3 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.706.877.095.865	3.457.172.154.801
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		259.059.039.145	19.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu nội bộ dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	213		259.059.039.145	19.000.000.000
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.879.411.728.902	1.784.574.193.555
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	1.779.299.377.308	1.520.795.042.762
Nguyên giá	222		2.521.122.034.251	2.123.328.655.828
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(741.822.656.943)	(602.533.613.066)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	8.258.018.268	11.231.556.573
Nguyên giá	225		23.931.986.166	23.890.768.666
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(15.673.967.898)	(12.659.212.093)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	25.276.126.002	29.037.482.935
Nguyên giá	228		27.804.316.244	30.766.411.094
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.528.190.242)	(1.728.928.159)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	66.578.207.324	223.510.111.285
III. Bất động sản đầu tư	240	V.16	254.067.297.219	262.211.533.407
Nguyên giá	241		279.448.439.795	278.948.439.795
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(25.381.142.576)	(16.736.906.388)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.258.103.015.388	1.327.741.995.824
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.17	-	6.600.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	956.682.308.520	919.302.836.598
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	342.487.851.094	427.793.871.494
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.20	(41.067.144.226)	(25.954.712.267)
V. Lợi thế thương mại	269		49.082.628.918	49.082.628.918
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.153.386.293	14.561.803.097
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.21	3.708.136.528	9.690.283.960
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22	802.207.185	1.812.032.647
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.23	2.643.042.580	3.059.486.490
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			6.326.859.352.620	4.511.256.068.185

KD:
CC
CO
1/1/1
1/1/1
1/1/1

Quý 3 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		2.387.774.567.148	1.850.166.788.212
I. Nợ ngắn hạn		310		1.257.186.793.613	796.393.702.657
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.24	745.174.481.061	365.608.704.705
2.	Phải trả cho người bán	312	V.25	182.582.936.795	252.770.951.167
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.26	18.191.513.316	11.988.137.961
4.	Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.27	16.979.204.306	19.032.658.009
5.	Phải trả công nhân viên	315	V.28	5.086.136.001	24.019.541.148
6.	Chi phí phải trả	316	V.29	53.515.789.664	45.212.393.716
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.30	225.027.786.950	75.287.121.630
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn		V.31	-	1.791.259.517
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi			10.628.945.519	682.934.804
II. Nợ dài hạn		320		1.130.587.773.536	1.053.773.085.555
1.	Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	323	V.32	307.321.378.712	308.511.675.907
4.	Vay và nợ dài hạn	324	V.33	801.824.797.491	720.181.812.014
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		17.360.313.053	18.090.897.343
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.599.058.599
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		4.081.284.280	5.389.641.692
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		3.740.219.804.172	2.470.626.397.025
I. Vốn chủ sở hữu		410		3.740.219.804.172	2.470.626.397.025
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.34	949.398.510.000	475.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.34	2.052.893.480.400	1.366.907.462.400
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.34	71.797.775.902	71.797.775.902
4.	Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.34	15.240.713.215	4.714.185.443
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.34	2.139.866.926	984.338.786
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.34	24.835.090.326	13.902.834.614

ĐÓNG
CHỮ
KÝ
TỔNG
KẾ
HẠNG
TRƯỞNG
KẾ
TOÁN
HỢP
NHẤT

9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.34	20.651.091.956	10.296.600.315
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.34	603.263.275.447	527.023.199.565
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-

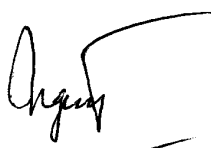
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431	V.35		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432			-

C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.36	198.864.981.301	190.462.882.947
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.326.859.352.620	4.511.256.068.185

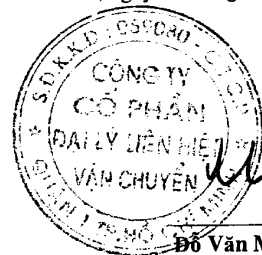
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2010



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán




Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: số 6 đường Lê Thánh Tôn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY CP GEMADEPT HỢP NHẤT

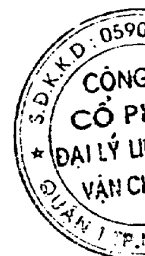
Quý 3 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	SỐ ĐẦU NĂM
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		138.309.260.895	360.399.950.762
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		151.747.297.953	169.973.354.409
- Các khoản dự phòng	03		23.381.682.945	(208.789.470.924)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(17.891.726.327)	(20.986.356.618)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(99.750.827.119)	(16.558.782.633)
- Chi phí lãi vay	06		87.031.765.184	60.165.465.112
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		282.827.453.531	344.204.160.108
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(139.133.131.420)	(8.764.254.431)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.230.361.366	20.452.814.954
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		78.190.276.620	(23.079.111.892)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(13.777.558.624)	19.422.864.982
- Tiền lãi vay đã trả	13		(78.610.206.846)	(61.301.240.520)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(13.053.570.586)	(1.904.700.475)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		141.627.934.250	160.439.726.199
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(205.161.673.524)	(148.110.760.779)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		59.139.884.768	301.359.498.146
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(238.440.597.112)	(241.868.278.610)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		6.180.755.346	6.485.019.602
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(1.408.506.881)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			30.856.090.386
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(409.252.976.219)	(802.467.817.023)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		166.401.166.530	538.341.776.457
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.020.471.475	124.392.138.239
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(434.091.179.980)	(345.669.577.830)



Quý 3 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	SỐ ĐẦU NĂM
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		1.160.384.528.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		835.488.204.521	677.654.855.422
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(300.958.481.393)	(558.307.245.134)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(4.620.657.717)	(5.684.018.216)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.000.000.000)	(82.612.796.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.689.293.593.411	31.050.795.172
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.314.342.298.199	(13.259.284.512)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	224.033.300.556	200.964.237.593
Điều chỉnh tiền và tương đương tiền đầu năm của các công ty hợp nhất lần đầu và loại khỏi hợp nhất năm nay				30.244.121.011
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			6.084.226.463
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.538.375.598.755	224.033.300.556

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2010


Trương Như Nguyễn
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (Công ty cổ phần Gemadept) và các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.3) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**1. Công ty mẹ**

a. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.

b. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, vận tải và logistics.

c. **Ngành nghề kinh doanh** :

- Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại.
- Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa, kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không.
- Dịch vụ Logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan.
- Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác.
- Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics.
- Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác khoáng sản.
- Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát.
- Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác.
- Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan.

2. **Tổng số các Công ty con** : 13

3. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Gemadept (Singapore) Ltd.	120 Lower Delta Road, #15-14/15 Cendex Centre, Singapore.	100,00 %	100,00 %
Gemadept (Malaysia) Ltd.	No.49B, Jalan Cungah, 42000 Port Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.	100,00 %	100,00 %

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Lầu 22 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.	73,80%	73,80%
Công ty TNHH cảng Phước Long	Lầu 19 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty TNHH ISS Gemadept	Số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51,00 %	51,00 %
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu, Việt Nam.	70,00%	70,00%
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Số 98 Phạm Hùng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	55,00%	55,00%
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen-Gemadept	Số 05-07 đường 3/2, phường 8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, Việt Nam.	51,00%	51,00%
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	Số 142, đường Nguyễn Thông, phường 3, thị xã Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.	50,00%	50,00%
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	Số 452 Lê Thánh Tôn, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ (*)	Khu phố 7, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	26,00%	52,00%

(*) Công ty cổ phần Gemadept nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 25. Mặt khác, Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadept trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 52%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Danh sách các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu.**

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Số 6 Lê Thánh Tôn, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	34,00 %	34,00 %
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Số 973 đường 30/4, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	26,78%	26,78%
Công ty TNHH Huynhai Merchant Marine Việt Nam	Tầng 12, Tòa nhà Fideco, 81-85 Hàm Nghi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Số 201, phường Máy Chai, đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	30,00%	30,00%

5. Danh sách các Công ty liên kết chưa được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Kho lạnh Gemadept - LCL	Lô H.04, đường số 1, khu Công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, Việt Nam	49,00%	49,00%
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Số 117 Lê Lợi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	45,00%	45,00%
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Số 72 đường 19/4, phường Xuân An, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	29,00%	29,00%
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Số 112 đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	38,00%	38,00%
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam	Lô J2, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, Bình Dương, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	A2 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	23,00%	23,00%
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Số 418 đường Quang Trung, phường La Khê, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	25,00%	25,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính của Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2010 bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn được trình bày theo đơn vị tiền tệ của quốc gia mà đơn vị đó hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo Đồng Việt Nam (VND), đồng tiền quốc gia mà Công ty mẹ hoạt động.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Các Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Công ty mẹ trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Công ty mẹ trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty mẹ có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 23
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

10. Tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra để có được chương trình kế toán phục vụ cho việc hạch toán, quản lý kế toán, tài chính. Chi phí này được khấu hao trong 3 năm.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

13. Hoạt động liên doanh

Lợi ích của Tập đoàn trong những hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo tài chính bằng cách phân bổ phần của Tập đoàn trong tài sản, công nợ, thu nhập và chi phí vào những khoản mục tương ứng.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Lãi thuê tài chính

Tiền lãi thuê tài chính được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê tài chính.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng (chủ yếu là phụ tùng container, phụ tùng xe nâng, dây cáp thép, vỏ xe...) được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong 2 năm theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ theo thời hạn ghi trên hóa đơn, hợp đồng hoặc phân bổ từ 2 đến 3 năm.

15. Chi phí phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

16. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

17. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ

Nguồn vốn kinh doanh bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của từng công ty trong Tập đoàn.

18. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

19. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

28

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	40.813.766.084	18.270.070.482
Tiền gửi ngân hàng	403.110.704.284	197.112.978.352
Tiền đang chuyển	484.080.387	1.734.116.722
Các khoản tương đương tiền (*)	1.093.967.048.000	6.916.135.000
Cộng	1.538.375.598.755	224.033.300.556

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu	343.064.997.696	249.607.406.211
Chứng chỉ Quỹ đầu tư cân bằng Prudential	4.778.730.000	4.778.730.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	19.760.704.466	4.680.660.294
Cộng	367.604.432.162	259.066.796.505

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn đang giao dịch trên thị trường chính thức.

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	102.392.251.347	132.430.479.462
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	37.016.475.916	32.078.899.110
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	18.526.902.789	10.447.898.692
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	172.602.323	88.432.244
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	38.203.635.581	31.752.645.526
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	3.938.908.337	889.624.090
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	12.677.420.645	18.985.217.968
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	26.412.543.830	17.703.983.278
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	11.993.444.094	3.976.875.395
Tại Công ty TNHH ISS Gemadept	1.961.380.162	-
Cộng	253.295.565.024	248.354.055.765

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	74.315.969.507	4.964.760.644
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp Tại	123.797.044	149.106.831

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
V.N.M		
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	8.108.477.662	4.204.616.803
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept		
Dung Quất	18.159.653.611	17.284.847.303
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	7.393.376.556	6.991.721.555
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	2.254.237.888	1.251.080.400
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	315.399.920	179.099.011
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	59.392.940.880	-
Tại Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	1.152.000.000	-
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội	2.150.277.115	-
Cộng	<u>173.366.130.183</u>	<u>35.025.232.547</u>
6. Các khoản phải thu khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	25.068.575.012	35.353.277.127
Phải thu từ các công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	11.889.621.416	53.339.409.943
Phải thu khoản góp vốn đầu tư của Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	24.652.700.000	24.652.700.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia		-
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.968.000.000	3.968.000.000
Các khoản cho cá nhân ngoài Công ty mượn	-	88.000.000
Các khoản phải thu khác	21.001.060.579	22.585.618.601
Cộng	<u>86.579.957.007</u>	<u>139.987.005.671</u>
7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Biển Nam Á	333.125.000	333.125.000
Công ty TNHH giao nhận vận tải quốc tế Nguyên Trân	190.500.000	190.500.000
Nguyễn Đức Hùng -YML Hà Nội	140.112.750	140.112.750
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Hà Hải	84.500.000	84.500.000
Công ty đầu thực vật Bình An	33.663.006	33.663.006
Công ty vận tải Nghĩa Hưng	20.412.000	20.412.000
Công ty TNHH vận tải và xây dựng H.T.N	14.091.000	14.091.000
Vinatrans Regional Container Lines	12.655.566	12.655.566
Cộng	<u>829.059.322</u>	<u>829.059.322</u>
8. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	16.838.108.693	18.290.446.692

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhiên liệu tồn trên tàu	25.592.994.229	27.856.801.618
Công cụ dụng cụ	390.854.081	227.640.990
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.255.065.761	8.958.243.840
Hàng hóa	126.039.755	100.290.745
Cộng	49.203.062.519	55.433.423.885

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	12.303.916.754	1.541.527.749
Chi phí bảo hiểm	2.593.073.659	-
Công cụ, dụng cụ	367.832.819	532.922.082
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	12.592.613.190	6.023.280.535
Cộng	27.857.436.422	8.097.730.366

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải thu NSNN	16.050.607.474	14.071.758.302
Cộng	16.050.607.474	14.071.758.302

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	35.341.078.629	25.210.199.052
Tài sản thiếu chờ xử lý	102.505.740	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	109.201.485.386	69.600.175.102
Cộng	144.645.069.755	94.810.374.154

12. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác, kinh doanh	259.059.039.145	19.000.000.000
Cộng	259.059.039.145	19.000.000.000

13. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng giảm Tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục số 1 đính kèm.

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được xác định.
- Giá trị quyền sử dụng đất thuê của lô đất tại số 276A Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
- Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất đã được tháo dỡ để xây dựng Cao ốc Lê Thánh Tôn tại phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Công ty đã ngưng trích khấu hao từ thời điểm tháo dỡ.

14. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Là phương tiện vận tải, truyền dẫn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	23.890.768.666	12.659.212.093	11.231.556.573
Tăng trong kỳ	41.217.500	3.014.755.805	
Số cuối kỳ	23.931.986.166	15.673.967.898	8.258.018.268

15. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	20.495.188.865	10.271.222.229	30.766.411.094
Thanh lý, nhượng bán	(2.962.094.850)	-	(2.962.094.850)
Số cuối kỳ	17.533.094.015	10.271.222.229	27.804.316.244
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	1.728.928.159	1.728.928.159
Khấu hao trong kỳ	-	799.262.083	799.262.083
Số cuối kỳ	-	2.528.190.242	2.528.190.242
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	20.495.188.865	8.542.294.070	29.037.482.935
Số cuối kỳ	17.533.094.015	7.743.031.987	25.276.126.002

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phần mềm GSS	630.000.000	630.000.000
Mua cầu Liebherr	12.248.576.543	-
Đầu tư quy hoạch khu bắc Rạch Chiếc, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	21.504.054.060	20.404.054.061
Chi phí tư vấn, đầu tư xây dựng cao ốc Lê Lợi	2.694.479.091	2.694.479.091
Dự án KCN công nghệ cao Gemadept	3.658.444.173	3.658.444.173
Các dự án khác	25.842.653.457	193.661.955.141
Sửa chữa nhà văn phòng	-	2.461.178.819
Cộng	66.578.207.324	223.510.111.285

17. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	278.948.439.795	16.736.906.388	262.211.533.407

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Tăng trong kỳ	500.000.000	8.644.236.188	
Số cuối kỳ	279.448.439.795	25.381.142.576	254.067.297.219

Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị thị trường của bất động sản đầu tư trên.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	82.695.958.701	122.358.314.923
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	26.929.616.275	35.318.915.368

18. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

<u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)</u>		<u>Vốn đầu tư (VND)</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45,00	45,00	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000
MBN-GMD VIETNAM	34,00	34,00	1.534.080.000
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	29,00	29,00	32.206.940.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	30,00	30,00	27.596.000.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	10,94	18.264.608.143
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,00	38,00	23.236.200.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	49,00	49,00	11.682.010.000
Công ty TNHH Huyndai Merchant Marine Việt Nam	49,00	49,00	2.371.845.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	23,00	23,00	69.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	25,00	25,00	29.375.000.000
Công ty Sinokor Việt Nam	49,00	49,00	2.319.909.000
Công ty TNHH kho lạnh Gemadept – LCL	49,00	35,52	2.781.857.430
Công ty cổ phần cảng Cái Mép – Terminal Link	50,00	50,00	643.200.000.000
Công ty liên doanh OOCL Việt Nam	49,00	49,00	3.848.541.000
Khoản lãi của công ty liên kết khi hợp nhất			36.861.717.947
Cộng			956.682.308.520

19. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư cổ phiếu	283.910.949.600	354.382.740.000
Đầu tư trái phiếu, công trái	-	10.000.000
Đầu tư dài hạn khác	58.576.901.494	73.401.131.494
Cộng	342.487.851.094	427.793.871.494

20. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	27.260.415.500	20.260.415.500
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	6.039.181.721	3.494.846.697
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	5.761.837.348	193.740.414
Dự phòng khoản lỗ của đầu tư tài chính dài hạn khác	2.005.709.657	2.005.709.656
Cộng	41.067.144.226	25.954.712.267

21. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	336.405.836	712.865.246
Chi phí sửa chữa kho, văn phòng	-	354.313.667
Lãi thuê tài chính	165.331.631	416.927.012
Chi phí thành lập	107.241.870	300.279.723
Chi phí thiết kế	1.354.718.818	6.935.544.242
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.744.438.373	970.354.070
Cộng	3.708.136.528	9.690.283.960

22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ.

23. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ tại các nhà cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, thuê văn phòng	1.715.842.580	1.873.321.490
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	927.200.000	1.166.165.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác		20.000.000
Cộng	2.643.042.580	3.059.486.490

24. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept được xác định bằng chênh lệch giữa giá mua và giá trị hợp lý của tài sản thuần (giá định giá trị hợp lý của tài sản thuần bằng giá trị ghi sổ kế toán).

25. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	558.187.440.857	204.618.868.697
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	34.460.234.600	54.540.675.162
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	7.000.000.000	7.000.000.000
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	145.526.805.604	99.449.160.846
Cộng	745.174.481.061	365.608.704.705

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**26. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	88.023.397.278	109.922.674.570
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	12.365.156.301	14.947.534.422
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	6.192.336.686	14.315.517.216
Tại Công ty Sinokor Việt Nam	-	-
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	48.981.171.376	52.442.197.516
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	15.783.365.815	18.932.572.438
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	634.882.599	3.111.705.110
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	68.653.496	337.697.664
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	2.725.728.805	1.366.210.170
Tại Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	47.878.170	27.948.304.585
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	441.586.553	136.999.210
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	7.172.815.047	9.309.538.266
Tại Công ty TNHH ISS Gemadept	145.964.669	-
Cộng	<u>182.582.936.795</u>	<u>252.770.951.167</u>

27. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	9.323.751.713	10.140.272.792
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	896.081.090	6.855.088
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	1.452.000.000	996.617.600
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	3.908.681.390	388.612.925
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	1.293.930.993	455.779.556
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	1.395.000	-
Tại Công ty TNHH ISS Gemadept	1.315.673.130	-
Cộng	<u>18.191.513.316</u>	<u>11.988.137.961</u>

28. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.757.979.319	5.179.109.522
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.925.444.765	10.038.145.129
Thuế thu nhập cá nhân	274.498.261	898.377.419
Các loại thuế khác	2.021.281.961	2.917.025.939
Cộng	<u>16.979.204.306</u>	<u>19.032.658.009</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**29. Phải trả người lao động**

Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng,... còn phải trả cho công nhân viên.

30. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	12.628.042.623	2.542.377.117
Chi phí khác	40.887.747.041	42.670.016.599
Cộng	53.515.789.664	45.212.393.716

31. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	2.154.081.994	2.818.940.562
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	4.101.961.596	2.836.839.938
Cổ tức phải trả	65.246.600	1.065.246.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.227.888.850	6.081.043.999
Tài sản thừa chờ xử lý	1.018.770.188	1.566.810.678
Các khoản phải trả khác	209.459.837.722	60.918.239.853
Các khoản thu hộ phải trả	28.704.043.876	21.899.122.827
Tiền bán hàng cảng biển phải trả ngân sách	-	1.716.241.909
Khoản phải trả của các Công ty liên kết, hợp tác		8.288.438.212
Phải trả cho ngân sách nhà nước tiền bán hàng tồn đọng tại cảng biển	1.716.241.909	-
Khoản phải trả Công ty cổ phần đầu tư tài chính công đoàn dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn số 25/HĐMB/2010/PVFI-LPL ngày 31 tháng 5 năm 2010	179.039.551.937	-
Các khoản phải trả khác		29.014.436.905
Cộng	225.027.786.950	75.287.121.630

32. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	682.934.804	16.567.186.627	-	6.621.175.912	10.628.945.519
Cộng	682.934.804	16.567.186.627	-	6.621.175.912	10.628.945.519

33. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận đặt cọc thuê tài sản dài hạn khác	86.044.160	-
Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	23.255.334.552	24.531.675.907

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chênh lệch đánh giá lại tài sản góp vốn tham gia liên doanh	283.980.000.000	283.980.000.000
Cộng	307.321.378.712	308.511.675.907
34. Vay và nợ dài hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)	206.672.301.747	206.672.301.747
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	339.226.066.347	292.438.477.692
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	231.607.103.959	221.071.032.575
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	24.319.325.438	-
Cộng	801.824.797.491	720.181.812.014
35. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Số đầu năm	18.090.897.343	
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	2.177.426.347	
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(2.908.010.637)	
Số cuối kỳ	17.360.313.053	
36. Vốn chủ sở hữu		
<i>Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>		
Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 2 đính kèm.		
<i>Cổ phiếu</i>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	47.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	94.939.851	47.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	94.939.851	47.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		
37. Lợi ích của cổ đông thiểu số		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư	97.855.396.000	92.050.396.000
Lợi nhuận sau thuế lũy kế	99.276.338.500	96.679.194.737
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.733.246.801	1.733.292.210
Cộng	198.864.981.301	190.462.882.947

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Doanh thu dịch vụ vận tải	899.268.759.899
Doanh thu dịch vụ đại lý	90.723.702.974
Doanh thu cho thuê văn phòng	82.695.958.701
Doanh thu khai thác cảng, logistics, khác,...	385.515.122.383
Cộng	1.458.203.543.957

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Giá vốn dịch vụ vận tải	844.671.258.335
Giá vốn dịch vụ đại lý	42.953.896.936
Giá vốn cho thuê văn phòng	26.929.616.275
Giá vốn khai thác cảng, logistics, khác,...	325.676.843.028
Cộng	1.240.231.614.574

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Lãi đầu tư chứng khoán	45.783.216.260
Lãi góp vốn liên doanh, liên kết, cổ tức và lợi nhuận được chia	40.876.320.544
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.927.570.845
Lãi chênh lệch tỷ giá	58.176.722.666
Cộng	150.763.830.315

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Chi phí lãi vay	87.031.765.184
Lỗ chênh lệch tỷ giá	35.165.602.799
Lỗ đầu tư chứng khoán	14.886.016.334
Dự phòng đầu tư tài chính	25.172.942.462
Cộng	162.256.326.779

5. Chi phí bán hàng

Là các chi phí lương nhân viên, khấu hao tài sản cố định và dịch vụ mua ngoài khác cho hoạt động bán hàng hóa và dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Chi phí lương nhân viên quản lý	43.215.968.304
Chi phí vật liệu	540.778.251
Chi phí đồ dùng văn phòng	880.564.718
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.498.788.995
Thuế, phí, lệ phí	100.354.290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.610.521.440
Chi phí khác	6.396.244.164
Cộng	95.243.220.162

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	42.637.981.818
Các khoản thu nhập khác	4.655.021.536
Cộng	47.293.003.354

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	6.372.759.688
Các khoản chi phí khác	3.816.294.005
Cộng	10.189.053.693

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	22.920.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.009.825.462
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.908.010.637)
Cộng	(1.875.265.175)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	114.032.259.643
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	114.032.259.643
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ ^(*)	49.789.749
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.290

^(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	47.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	2.289.749
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	49.789.749

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản, nợ tiềm tàng

Công ty cổ phần Gemadept đã ký hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền trên đất và quyền sử dụng đất thuê của lô đất diện tích 1.112,60 m² tại số 276A Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng theo Hợp đồng chuyển nhượng số 12/2007/HĐCN ngày 30 tháng 8 năm 2007 với Công ty xuất nhập khẩu vật tư đường biển. Công ty xuất nhập khẩu vật tư đường biển đang làm thủ tục giải thể và chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng lô đất nêu trên cho Công ty cổ phần Gemadept. Hiện tại chưa có phán quyết cuối cùng về vấn đề này, tuy nhiên khả năng Công ty cổ phần Gemadept sẽ phải thanh toán các khoản thuế liên quan để có được quyền sở hữu lô đất nêu trên.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Tính đến thời điểm ngày 06 tháng 10 năm 2010, Công ty Cổ phần Gemadept đã hoàn thành đợt phát hành nâng vốn điều lệ lên 1.000 tỉ đồng theo giấy chứng nhận chào bán chứng khoán số 606/UBCK-GCN do chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09/07/2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo báo cáo vốn chủ sở hữu đã kiểm toán ngày 06 tháng 10 năm 2010 như sau :

BÁO CÁO VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 06 tháng 10 năm 2010

DVT: VND

STT	Khoản mục	Số tiền
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn điều lệ)	1.000.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	2.169.160.586.400
3.	Vốn khác của chủ sở hữu(*)	71.797.775.902
4.	Cổ phiếu quỹ	-
Cộng		3.240.958.362.302

(*) Trong đó, phần vốn khác của chủ sở hữu tại công ty mẹ là 69.388.382.902 VND

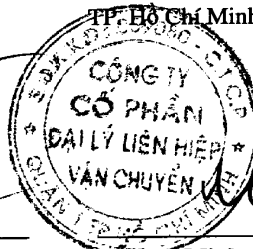
3. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, các công ty trong Tập đoàn áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2010

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

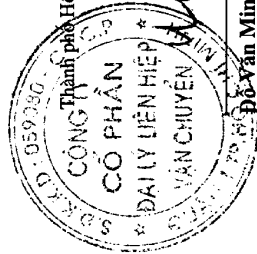
Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Phụ lục 1: Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	212.348.517.408	140.089.519.215	1.715.494.488.723	17.528.405.443	37.867.725.039	2.123.328.655.828
<i>Tăng trong năm</i>	<i>199.186.491.076</i>	<i>100.645.488.856</i>	<i>100.754.853.759</i>	<i>2.199.232.387</i>	<i>739.781.512</i>	<i>403.525.847.590</i>
<i>Giảm trong năm</i>	<i>(5.011.964.653)</i>	<i>(648.686.332)</i>	<i>(71.818.182)</i>	-	-	<i>(5.732.469.167)</i>
Số cuối năm	406.523.043.831	240.086.321.739	1.816.177.524.300	19.727.637.830	38.607.506.551	2.521.122.034.251
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	42.500.551.539	93.477.283.949	450.973.948.641	11.340.202.486	4.241.626.452	602.533.613.066
<i>Tăng trong năm</i>	<i>21.357.399.960</i>	<i>21.063.057.834</i>	<i>95.967.819.008</i>	<i>2.370.245.701</i>	<i>1.909.113.282</i>	<i>142.667.635.785</i>
<i>Giảm trong năm</i>	<i>(2.712.208.248)</i>	<i>(648.686.332)</i>	<i>(17.697.328)</i>	-	-	<i>(3.378.591.908)</i>
Số cuối năm	61.145.743.251	113.891.655.451	546.924.070.321	13.710.448.186	6.150.739.734	741.822.656.943
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	169.847.965.869	46.612.235.266	1.264.520.540.082	6.188.202.957	33.626.098.587	1.520.795.042.762
Số cuối năm	345.377.300.580	126.194.666.288	1.269.253.453.979	6.017.189.643	32.456.766.817	1.779.299.377.308



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2010

[Signature]

Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

[Signature]

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

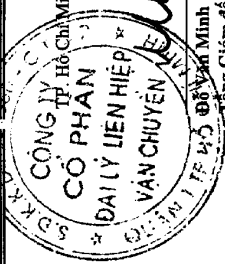
9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	345.230.340.000	40.979.565.250	64.945.188.649	7.985.841.555	-	13.410.665.221	13.320.100.315	280.664.807.798	766.536.508.789
Tăng vốn trong năm	129.769.660.000	1.325.927.897.150	6.852.587.253	-	-	-	-	-	1.462.550.144.403
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	323.085.833.277
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	984.338.786	492.169.393	-	-	(2.374.002.288)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(71.250.000.000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	(3.023.500.000)	-	(3.023.500.000)
Giảm khác	-	-	-	(3.271.656.112)	-	-	-	(4.996.465.195)	(8.268.121.308)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	3.369.534.152	3.369.534.152
Số dư cuối năm trước	475.000.000.000	1.366.907.462.400	71.797.775.902	4.714.185.443	984.338.786	13.902.834.614	10.296.600.315	527.023.199.565	2.470.626.397.025
Số dư đầu năm nay	475.000.000.000	1.366.907.462.400	71.797.775.902	4.714.185.443	984.338.786	13.902.834.614	10.296.600.315	527.023.199.565	2.470.626.397.025
Tăng vốn trong kỳ	474.398.510.000	685.986.018.000	-	-	-	-	-	-	1.160.384.528.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	114.032.259.643
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	10.354.491.642	577.764.070	10.354.491.641	(37.792.183.761)	(17.083.200.479)
Tăng khác	-	-	-	10.526.527.772	1.155.528.140	-	-	-	12.259.819.982
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	949.398.510.000	2.052.893.480.400	71.797.775.902	15.240.713.215	2.139.866.926	24.835.090.326	20.651.091.956	603.263.275.447	3.740.219.804.172

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN
HỒ CHÍ MINH, ngày 20 tháng 10 năm 2010



Nguyễn Minh Nguyệt

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Trương Như Nguyễn

Trương Như Nguyễn
Người lập biên